

15

TRUYỀN THỐNG VÀ VĂN HOÁ
(TRADITIONS AND CULTURE)

| | | | |
|---|----------|---------------------|--|
| | v | /əd'maɪər/ | khâm phục, ngưỡng mộ |
| → admiration (n) admirable (adj) admirably (adv) | | | |
| | adj | /'æmətər/ | nghiệp dư |
| | v | /ə'naʊns/ | thông báo |
| → announcement (n) announcer (n) | | | |
| | adj | /'ænjʊəl/ | hàng năm |
| → annually (adv) | | | |
| | v | /bɪ'heɪv/ | đối xử, cư xử |
| → behaviour (n) misbehaviour (n) behaviourism (n) behaviourist (n) misbehave (v) behavioural (adj) well-behaved (adj) | | | |
| | adj | /breɪv/ | dũng cảm, can đảm |
| → bravery (n) bravely (adv) | | | |
| | v | /'selɪbreɪt/ | kỉ niệm, tổ chức |
| → celebration (n) celebrated (adj) celebratory (adj) | | | |
| | n | /'serəməni/ | nghi thức, nghi lễ |
| | n | /'tʃærəti/ | tử thiện |
| → charitable (adj) charitably (adv) | | | |
| | phr | /tʃeɪs ə'wei/ | xua đuổi |
| | v | /tʃɪər/ | chúc mừng |
| → cheerful (adj) cheerfulness (n) cheerfully (adv) | | | |
| | v | /kəm'peər/ | so sánh |
| → comparison (n) comparative (adj) comparable (adj) comparatively (adv) comparably (adv) | | | |
| | n phr | /kə'mju:nl haʊs/ | nhà riêng, nhà sinh hoạt cộng đồng |
| | n/v | /'kɒnflikt/ | cuộc xung đột/ xung đột |
| → conflicting (adj) conflicted (adj) | | | |
| | n | /'kɒzpleɪ/ | trang phục hoá trang (cho lễ hội hoặc một dịp đặc biệt) |
| | n | /'kɒstjʊ:m/ | trang phục |

| | | | |
|---|----------|--------------------------|--------------------------|
| | n/v | /krop/ | mùa vụ/thu hoạch |
| | n | /'kʌltʃər/ | nền văn hoá |
| | adj | culturally (adv) | |
| | n | /'kʌstəm/ | phong tục, tập quán |
| | v | /dɪ'kri:s/ | giảm bớt |
| | v | /dɪ'stɪŋgwɪʃ/ | phân biệt |
| | v | /dɪ'vaɪd/ | chia |
| → division (n) divisible (adj) | | | |
| | phr v | /dres ʌp/ | mặc đồ hoá trang |
| | n | /'etɪket/ | quy tắc giao tiếp |
| | v | /ɪks'tʃeɪndʒ/ | trao đổi |
| | n | /ɪk'stendɪd 'fæməli/ | gia đình nhiều thế hệ |
| | n phr | /'fæməli 'gæðərɪŋ/ | sum họp gia đình |
| | n | /fɒlt/ | lỗi |
| → faulty (adj) faultily (adv) faultless (adj) faultlessly (adv) | | | |
| | n | /fi:st/ | bữa tiệc |
| | n | /'fi:tʃər/ | đặc tính, đặc điểm |
| | n phr | /'festɪvl 'gəʊər/ | người đi xem lễ hội |
| | n | /'faɪəwɜ:k/ | pháo hoa |
| | n phr | /'faɪəwɜ:ks dɪs'pleɪ/ | buổi/màn bắn pháo hoa |
| | n | /'fəʊk dɑ:ns/ | điệu nhảy/múa dân gian |
| | n | /fəʊk 'festɪvəl/ | lễ hội dân gian |
| | n | /'dʒenə'reɪʃən/ | thế hệ |
| → generational (adj) generationally (adv) | | | |
| | n | /'dʒestʃər/ | cử chỉ, điệu bộ |
| | n/v | /ɡɪft/ | quà tặng/tặng |
| | v | /ɡri:t/ | chào, chào hỏi |
| → greeting (n) greeter (n) | | | |

| | | | |
|---|-----|---------------------|---------------------------------|
| | n/v | /ˈhɑːvɪst/ | vụ mùa/thu hoạch |
| → harvesting (n) harvester (n) | | | |
| | n | /ˈhedskɑːf/ | khăn trùm đầu |
| | n/v | /ˈhaɪlaɪt/ | điểm nhấn/làm nổi bật |
| | v | /ˈɪmpres/ | gây ấn tượng |
| → impress someone with something | | | |
| → impression (n) impressive (adj) impressively (adv) | | | |
| | n | /ˈlæŋɡwɪdʒ | rào cản ngôn ngữ |
| | phr | ˈbæriər/ | |
| | n | /ˈlæntən/ | đèn lồng |
| | n | /lɒnˈdʒevəti/ | sự sống lâu, tuổi thọ |
| | adj | /ˈlʌvɪŋ/ | giàu tình yêu thương |
| → lovable (adj) loveless (adj) lovely (adj) unloved (adj) | | | |
| love (n/v) lover (n) loveliness (n) lovingly (adv) | | | |
| | n | /lʌk/ | điều may mắn |
| → lucky (adj) unlucky (adj) luckily (adv) unluckily (adv) | | | |
| | n | /ˈlʌki ˈmʌni/ | tiền lì xì |
| | n | /ˈmæɪrɪdʒ/ | hôn nhân |
| | n | /maɪˈnɒrəti/ | dân tộc thiểu số |
| | adj | /ˌmʌltiˈkʌltʃərəl/ | đa văn hoá |
| → multiculturally (adv) multiculturalism (n) | | | |
| | v | /nɒd/ | gật (đầu) |
| | n | /ˌnjuːklɪə ˈfæməli/ | gia đình nhỏ, gia đình hạt nhân |
| | n | /ˈɒfəriŋ/ | đồ thờ cúng |
| | n | /əˈpɪnjən/ | quan điểm, ý kiến |
| | n | /ˌɔːrgənaiˈzeɪʃən/ | tổ chức |
| → organise (v) organiser (n) organisational (adj) organised (adj) | | | |
| | n | /ˈpætən/ | hoa văn |
| | n | /ˌpɜːsəˈnæləti/ | tính cách |
| → person (n) personal (adj) impersonal (adj) | | | |
| personalise (v) personally (adv) impersonally (adv) | | | |
| | v | /pleɪs/ | đặt, để |
| | n | /pəˈzɪʃən/ | vị trí |
| | n | /ˈpɒtəri/ | đồ gốm |
| | v | /preɪ/ | cầu nguyện |
| → prayer (n) prayerful (adj) prayerfully (adv) prayerfulness (n) | | | |

| | | | |
|--|-----|---------------------------|----------------------------------|
| | n | /ˈrelatɪv/ | bà con (họ hàng) |
| | n/v | /ɪˈspekt/ | sự tôn trọng/tôn trọng |
| → respectable (adj) respectful (adj) respectfully (adv) | | | |
| | n | /ˈskʌlptʃər/ | điều khắc, tác phẩm điêu khắc |
| | v | /siːk/ | tìm kiếm |
| shake hands | v | /feɪk ˈhændz/ | bắt tay |
| | n | /stʌlt haʊs/ | nhà sàn |
| | v | /straɪk/ | đánh, điểm |
| | v | /suːt/ | thích hợp, phù hợp |
| → suitability (n) suitable (adj) suitably (adv) | | | |
| unsuitability (n) unsuitable (adj) unsuitably (adv) | | | |
| | n | /ˈsɪmbəl/ | biểu tượng |
| → symbol for/of | | | |
| → symbolise (v) symbolism (n) symbolically (adv) | | | |
| | n | /ˈteɪbl ˌmænz/ | phép tắc ăn uống |
| | n | /ˈtempəl/ | ngôi đền |
| | adj | /ˈterəst/ | có hình bậc thang |
| → terrace (n) | | | |
| | n | /trəˈdɪʃən/ | truyền thống |
| → traditional (adj) traditionally (adv) traditionalist (n) | | | |
| traditionalism (n) | | | |
| | v | /triːt/ | cư xử |
| → treatment (n) mistreatment (n) mistreat (v) | | | |
| | phr | /weər trəˈdɪʃənəl kləʊðz/ | mặc trang phục truyền thống |
| | v | /wiːv/ | dệt đan, kết lại |
| | n/v | /wɪʃ/ | điều ước, ước, chúc |
| | n/v | /ˈwɜːʃɪp/ | sự thờ phụng, tôn kính, tôn sùng |
| → worshiper (n) worshipful (adj) worshipfully (adv) | | | |
| | adj | /ræpt/ | được gói (quà) |
| → wrap (v) | | | |





Part I. Mark the letter A, B, C, or D to indicate the correct answer to each of the following questions.

- Question 1:** John's father was _____ with his son's low grade on the final exam.
A. calm B. proud C. upset D. pleased
- Question 2:** John said he had a perfect score on the maths exam, but it seemed too good to be _____.
A. correct B. real C. true D. right
- Question 3:** I was really _____ in the final results because it wasn't as high as I thought.
A. disappointed B. surprised C. interested D. pleased
- Question 4:** Tomorrow, we will have a(n) _____ in class on how to protect the environment.
A. presentation B. party C. action D. meeting
- Question 5:** It came as a(n) _____ when Hanah announced that she was moving to France.
A. impression B. experience C. surprise D. challenge
- Question 6:** I was sorry that I had to _____ Jenny's invitation to go on a trip with her family.
A. receive B. decline C. accept D. offer
- Question 7:** The foreign visitors loved cultural values, so they wanted to try on some _____ clothes.
A. eye-catching B. fashionable C. traditional D. modern
- Question 8:** The man looks very _____. I remember seeing him somewhere before.
A. familiar B. similar C. unique D. photogenic
- Question 9:** Listening to and singing along with music is a fun way to _____ your English.
A. lengthen B. decrease C. enhance D. supplement
- Question 10:** One advantage of a school uniform is that it doesn't _____ between rich and poor students.
A. choose B. compare C. divide D. distinguish
- Question 11:** My homework was so _____ that I could not finish it in time.
A. simple B. meaningless C. complicated D. easy
- Question 12:** I was born in England, and English is my _____. However, I speak Spanish more fluently.
A. main language B. mother tongue C. foreign language D. favourite language
- Question 13:** Getting admitted to this famous university is my greatest _____.
A. success B. benefit C. failure D. opportunity
- Question 14:** I need to _____ all of these maths formulas for the final exam tomorrow.
A. convey B. explain C. resolve D. memorise
- Question 15:** There are many _____ school rules that students must follow.
A. positive B. mandatory C. voluntary D. optional
- Question 16:** Experts believe that a career in cyber security _____ will soon become more common.
A. manage B. management C. manager D. manageable
- Question 17:** Jane is so _____ that the manager is willing to assign her important tasks.
A. suspicious B. unreliable C. careless D. trustworthy
- Question 18:** It was hard to believe that she _____ this song all by herself.
A. composed B. celebrated C. remembered D. approached
- Question 19:** It is a fact that farming is one of the oldest _____ in the world.
A. courses B. organisations C. positions D. professions

- Question 20:** Unlike the clumsy Tim, Mary is _____ and proficient at her job.
 A. unskilled B. experienced C. amateur D. incompetent
- Question 21:** I needed to _____ the lessons again as I got so many wrong answers on my test.
 A. review B. skip C. neglect D. avoid
- Question 22:** Teenagers nowadays are _____ from stress due to the heavy demands of their studies.
 A. struggling B. facing C. dealing D. suffering
- Question 23:** I had an opportunity to meet Lara Smiths, an _____ from a university in Canada.
 A. educate B. education C. educator D. educational
- Question 24:** The dove is often seen as a _____ of peace and tranquility.
 A. symbolism B. symbolise C. symbolic D. symbol
- Question 25:** Vietnam is _____ for its rich cultural heritage and wonderful healthy cuisine.
 A. fame B. famous C. famed D. famously

Part II. Complete the following sentences with the correct forms of the words in brackets.

- Question 1:** Having a good _____ with people will be beneficial for your business. (CONNECT)
- Question 2:** During an interview, you should make a good _____ on the interviewer. (IMPRESS)
- Question 3:** We had a heated _____ about how to complete the project in a timely manner. (ARGUE)
- Question 4:** You should write more _____, otherwise your teacher can't read anything. (CARE)
- Question 5:** By watching films in English, my friend became _____ in English in just a few years. (FLUENCY)
- Question 6:** When doing the reading tests, it is advisable to underline the _____ keywords. (IMPORTANCE)
- Question 7:** The test result of the machine was successful, far exceeding my _____. (EXPECT)
- Question 8:** The artists _____ showcased traditional crafts during the cultural fair. (SKILL)
- Question 9:** The manager requires a(n) _____ mindset and approach to challenges. (FLEXIBILITY)
- Question 10:** _____ work environments can lead to burnout among workers. (STRESS)
- Question 11:** Everyone is thrilled about Jenny's _____. (PROMOTE)
- Question 12:** Our manager was angry since there were over twenty _____ about the quality of our service. (COMPLAIN)
- Question 13:** Wearing casual clothes will be _____ for the conference tomorrow. (SUIT)
- Question 14:** My entire family usually gathers for a large New Year's Eve _____. (CELEBRATE)
- Question 15:** Companies typically evaluate their employees' performance _____ to determine their contribution. (ANNUAL)
- Question 16:** In today's world, it's important to keep our cultural _____ because they connect us to our ancestors. (TRADITIONAL)
- Question 17:** Many parents become upset when their teenagers _____ and do not follow their advice. (BEHAVE)
- Question 18:** While I value different points of view, I _____ think that collaboration is the key to achieving common goals. (PERSON)
- Question 19:** The school is planning a graduation ceremony to recognise students' efforts and _____ throughout the school year. (ACHIEVE)
- Question 20:** Teachers should always provide _____ feedback to students in order to motivate them to succeed in their studies. (ENCOURAGE)

